

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2024.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phan Quốc Toàn
- Bà Võ Cẩm Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Cúc H, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Cúc H (*Sau đây gọi tắt là ông T, bà H*) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng ông T, bà H chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, mỗi lần cự cãi bà H đi bỏ nhà, không quan tâm chồng và con. Sự việc, xảy ra lập đi lập lại hơn 30 lần và cũng được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành nên ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn tình cảm nên ông T xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung Huỳnh Chí Dũng, sinh năm 2003 và Huỳnh Chí Công, sinh ngày 12/02/2007 (Các con đều trưởng thành).

Về tài sản chung: Ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Lê Thị Cúc H được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với bà H do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, mỗi lần cự cãi bà H bỏ nhà đi đến nay đã hơn 30 lần, mỗi lần đi bỏ nhà từ 05 tháng đến hơn 01 năm mới về, nên mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn.

Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung Huỳnh Chí Dũng, và Huỳnh Chí Công. Các con đều trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét; tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Bị đơn bà H thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh T dùng bạo lực đối với bà nên bà phải đi bỏ nhà, nếu không mâu thuẫn của vợ chồng nghiêm trọng hơn. Hiện ông T có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, yêu cầu ly hôn bà H không đồng ý, vì nghĩ ông T một thời gian sau cũng về chung sống với bà H.

Về con chung và chia tài sản chung đúng như lời trình bày của ông T, bà H không có yêu cầu gì.

#### **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

*Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Do ông T, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận ông T, bà H là vợ chồng.

*Về con chung:* Ông T, bà H có 02 người con chung Huỳnh Chí Dũng, sinh năm 2003 và Huỳnh Chí Công, sinh ngày 12/02/2007. Các con đều trưởng thành, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

*Về chia tài sản chung:* Ông T, bà H không yêu cầu nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà H. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Xét nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, HĐXX nhận thấy:

*Về hôn nhân:* Ông T, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông T, bà H sống hạnh phúc nhưng dần về sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Từ đó, tình cảm vợ chồng mất niềm tin nhau. Sự việc cũng được vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, nên vợ chồng ly thân từ tháng 6/2023 đến nay.

Tại phiên tòa bà H thừa nhận bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và thường phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ông T dùng bạo lực đối với bà, nên nhiều lần bà phải đi bỏ nhà, ông T yêu cầu ly hôn bà không đồng ý. Mặc dù, ông T đang có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, bà nghĩ một thời gian sau ông T cũng về chung sống với bà H.

Tình trạng hôn nhân của ông T, bà H cũng được Ủy ban nhân xã Minh Thuận xác nhận. Mặt khác do ông T, bà H không có đăng ký kết hôn cho nên pháp luật không công nhận ông, bà là vợ chồng. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện ... việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó, HĐXX không công nhận ông T, bà H là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung Huỳnh Chí Dũng, sinh năm 2003 và Huỳnh Chí Công, sinh ngày 12/02/2007. Các con đều trưởng thành nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản chung: Ông T, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông T, bà H không có nợ chung và cũng không ai nợ ông, bà nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0003002 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Huỳnh Văn T và Lê Thị Cúc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung Huỳnh Chí Dũng, sinh năm 2003 và Huỳnh Chí Công, sinh ngày 12/02/2007. Các con đều trưởng thành nên HĐXX miễn xét.

3. *Về tài sản chung:* Ông T, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Ông T, bà H không có và cũng không ai nợ ông, bà không yêu cầu xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí:* Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0003002 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. UMT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký, đóng dấu)

**Danh Hoàng**